

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

LB, ngày 19 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Sa Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Sa Thị H và anh Ma Văn Tước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Ma Văn T là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ma Thị Ngọc M, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Ma Thị Mai P, sinh ngày 05/9/2015. Chị Sa Thị H có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ma Văn T mỗi tháng 1.000.000đ (*một triệu đồng*) cho cả hai cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp

dưỡng định kỳ hàng tháng. Chị Sa Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Chị Sa Thị H và anh Ma Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Sa Thị H nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm lý hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Sa Thị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000030 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, chị Sa Thị H đã nộp xong án phí.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(*Đã ký*)

Hoàng Cao Tiến

